

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ “BÉ GIỚI THIỆU VỀ MÌNH – TẾT TRUNG THU”

Thời gian thực hiện 4 tuần từ ngày 29/09 đến ngày 24/10/2025

TT	TT mục tiêu	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
				Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất							
a) Phát triển vận động							
1	1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5 tuổi: Hô hấp: Hít vào, thở ra. ` Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên ` Co và duỗi tay (bắt chéo 2 tay; vỗ 2 tay vào nhau; hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao) ` Cúi về phía trước, ngửa người ra sau ` Quay sang trái, sang phải (Kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái ` Nghiêng người sang sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.	` Bước lên phía trước, bước sang ngang ` Co duỗi chân ` Nhún chân. ` Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. ` Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. ` Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	* HĐH Hô hấp: Gà gáy. ` Tay: Co và duỗi tay ` Cúi về phía trước, ngửa người ra sau ` Bật tại chỗ.	
2	2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh				
3	3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp				

				* 3,4 T ` Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ			
4	4	3	-Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.			* HĐH: Đi kiễng gót Đi khụy gối Bật xa 20-25 cm; Bật xa 35 - 40cm; Bật xa 40- 50cm;	
5	5	4	- Biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	* 3 -4 tuổi: Đi kiễng gót - Ngồi xổm đứng lên, bật tại chỗ * 3, 4,5 tuổi: - Đi khụy gối - Bật (bật tại chỗ, bật liên tục về phía trước, bật liên tục vào vòng) ` Bật xa (20- 25; 35-40; 40- 50 cm)			
6	6	5	Biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - ` Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. ` Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - ` Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây				

7	10	3	Biết phối hợp tay mắt trong vận động – Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	* 3,4,5 T: * 3,4 T: - Tung bóng:(Tung bóng với cô, với người đối diện, tung bóng tại chỗ). * 4, 5 T: - Tung bóng lên cao và bắt - Ném xa bằng 2 tay	- Đập bắt bóng với cô	* HĐH: ` Đập bắt bóng với cô - Đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng.	
8	11	4	Biết phối hợp tay- mắt trong vận động: – Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). – Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	* 3, 4, 5T: - Đập và bắt bóng (Đập bắt bóng tại chỗ. Đập bắt bóng với cô. Đi và đập bắt bóng)	Đập và bắt bóng tại chỗ		
9	12	5	Biết phối hợp tay- mắt trong vận động: – Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). – Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). Đi, đập và bắt được bóng này 4 - 5 lần liên tiếp.		- Đi đập và bắt bóng		

10	13	3	Biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò theo đường dích dắc	*3,4,5 T - Bò theo đường dích dắc; bò dích dắc qua 5,7 điểm		* HĐH: - Bò theo đường dích dắc - Bò dích dắc qua 5 – 7 điểm	
11	14	4	Biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò theo đường dích dắc				
12	15	5	Biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. -Bò dích dắc qua 5 – 7 điểm				

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

13	22	3	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	* 3,4,5 tuổi: Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc		* HĐ ăn, ngủ, vệ sinh: đón trả trẻ - Trò chuyện về các loại thực phẩm thông thường có trong bữa ăn của trẻ * HĐC: - Trò chuyện với trẻ về cách giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn sức khỏe	
14	23	4	Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - ` Rau, quả chín có nhiều vitamin.				
15	24	5	Biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...		` Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		

			- Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...			* HD: - Đón trả trẻ nhắc trẻ một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở <
--	--	--	--	--	--	--

			- Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	Đi vệ sinh đúng nơi quy định.		HDLD: Cùng cô dọn dẹp sắp xếp đồ chơi	
22	34		Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			HD ăn, ngủ, vệ sinh: Trò chuyện với trẻ khi ăn không cười đùa, nói chuyện không tự ý uống thuốc.	
23	35	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch		Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	HDC: Trò chuyện với trẻ không leo trèo ban công, tường rào. - Không chơi với đồ chơi sắc nhọn (chơi NT)	
24	36		Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.			- Sau giờ học về nhà ngay không đi chơi	
25	37	3	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	* 3,4,5 T: - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của quy định. - Lợi ích của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	Nhận biết trang phục phù hợp theo thời tiết.		

26	39	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... Không uống nước lã.	Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm	Sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết		
27	41	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: – Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. – Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. – Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.				
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức							
a, Khám phá khoa học							
28	55	3	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	* 3,4,5 T: ` Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. * 4-5 tuổi:		* HĐH: Trò chuyện về chức năng các giác quan và các bộ phận cơ thể Bé lớn lên như thế nào	

29	56		Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	` Cách chăm sóc và bảo vệ cơ thể		HĐCNT: Thí nghiệm Vật nổi vật chìm trải nghiệm - Chăm sóc cây, lau lá, chơi với nước	
30	63	4	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướ			*HĐCNT: Pha màu nước,... *HĐG: Xem sách, tranh, ảnh về chủ đề bản thân TCM: - Chạy tiếp cờ	
31	64		Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.				
32	75	5	Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.				

33	79		Biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.					
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán								
34	112	3	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	* 4, 5T: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau, phía phải phía trái.)	- Nhận biết phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau, tay phải, tay trái của bản thân	* HDH: NB phía trên, phía dưới, Phía trước, phía sau của bản thân; XD Phía trên, dưới, trước,sau của đồ vật so với bản thân trẻ, XD Phía trên, dưới, trước,sau của đồ vật so với bản thân trẻ, bạn khác. * HDC: TCM: Tay trái tay phải của bé TCTV: Phía phải, phía trái		
35	113	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.					
36	114	5	Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.		- Xác định vị trí của đồ vật với 1 vật nào đó làm chuẩn			
c. Khám phá xã hội								
37	117	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	* 3, 4, 5 T: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân - Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia	- Đồ dùng, đồ chơi của lớp	* HDH: Bé giới thiệu về mình TCM: Tay trái tay phải của bé		
38	121		Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân		- Vị trí của trẻ trong gia đình, quy mô gia			

		4	khi được hỏi, trò chuyện	trường mầm non.	đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn).	* HDC: - Cô giáo; Nấu ăn; Bán hàng; Gia đình, Thợ cắt tóc, trang điểm.	
39	122		Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	* 4, 5 T: - Họ tên, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Một số nhu cầu gia đình - Công việc			
40	127	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.				
41	128		Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình				
42	129		Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.				
43	136	3	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Tết Trung thu, qua trò chuyện, tranh ảnh.	* 3, 4, 5 T: - Tên di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	- Cờ tổ quốc	* HDH: Trải nghiệm ngày tết trung thu (Steam)	
44	138	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội Tết Trung thu	* 4, 5T: - Đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam		TCM: Chạy tiếp cờ	
45	140	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động				

			nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Tết Trung thu em được đi rước đèn.	thăng cảnh, ngày lễ hội.			
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ							
46	142	3	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	* 3, 4, 5 T: - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao.. phù hợp với độ tuổi.		* HDH : - Chuyện: Gấu con bị sâu răng.	
47	143		Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, dây dép, mũ....				
48	145	4	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.				
49	146		Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...				
50	148	5	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.		- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		
51	149		Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng				

			(đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).				
52	151	3	Trẻ nói rõ các tiếng.	* 3, 4, 5 T: - Đọc thơ, đồng dao - Kể lại sự việc (Có nhiều tình tiết theo trình tự) - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng, câu ghép. * 4, 5 T: - Kể lại chuyện đã được nghe. (Theo trình tự)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	* HDH: - Thơ: Bé ơi * TCTV: + Cái mũi, Đôi tai, Đôi mắt, Bạn trai, bạn gái, - Đọc đồng dao: Tay đẹp * HDG: Cô giáo; Nấu ăn; Bán hàng; Bác sỹ; Gia đình, thợ cắt tóc, thợ trang điểm	
53	152		Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...				
54	160	4	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được				
55	161		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...				
56	169	5	Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.				
57	170		Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.				
58	178	3	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	* 3, 4, 5 T: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với cách đọc, và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới..		* HDC: - Xem tranh ảnh, làm album về sự lớn lên của bé * HDH: - LQCC: a,ă,â - Tô màu tranh - Tập tô chữ cái a,ă,â	
59	181	4	Trẻ biết chọn sách để xem.				

				+ Hướng viết của các nét chữ: đọc ngắt nghỉ sau các dấu. * 4, 5 T: - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Nhận dạng chữ cái a, ă, â trong bảng chữ cái tiếng việt. Tập tô, tập đồ các nét chữ cái a, ă, â.			
60	186	5	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.				

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.

61	192	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	* 3, 4 T: - Tên tuổi, giới tính * 4, 5 T: - Sở thích, khả năng của bản thân thích, khả năng của bản thân	- Những điều bé thích, không thích	* HĐH: KPKH - Bé giới thiệu về mình TCTV: Bạn trai, bạn gái	
62	193		Trẻ nói được điều bé thích, không thích.				
63	194	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.				
64	195		Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.		- Điểm giống và khác nhau của mình với bạn khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình		
65	196	5	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.				
66	197		Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và				

			việc gì bé không làm được.				
67	207	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	* 3, 4, 5 T: - Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (: vui, buồn, sợ hãi, tức giận ...)qua nét mặt, cử chỉ giọng nói.. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi..... * 3,4 T: -Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua trò chơi, hát, vận động.	- Bộc lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua vẽ, nặn, xếp hình.	* HĐH: - Đoán cảm xúc * HĐC: - Tay trái, tay phải của bé	
68	208		Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.				
69	211	4	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	* 4, 5 T: - Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (: vui, buồn, sợ hãi, tức giận ...) qua tranh ảnh. * 3, 4, 5 T: - Một số quy định ở lớp (Để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ)	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc(vui buồn, sợ hãi, tức giận....qua		
70	212		Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên				
71	216	5	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.				
72	217		Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên xấu hổ				
73	218		Trẻ biết an ủi và chia vui với				

			người thân và bạn bè.		tranh ảnh, âm nhạc)		
74	222	3	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	* 3, 4 T: - Chờ đến lượt. * 4, 5T: - Hợp tác	- Chơi hòa thuận với bạn.	* HĐ ăn ngủ vệ sinh: Cô trò chuyện với trẻ tôn trọng bạn đứng trước và chờ đến lượt mình để rửa tay không chen lấn, xô đẩy * HĐ chiều: - Xây nhà, đường về nhà - Xếp hình người tập thể dục - Xây vườn rau - Kéo co - Bắt bướm - Mèo đuổi chuột.	
75	223		Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...				
76	226	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.				
77	227		Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.				
78	231	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.		- Tôn trọng, chấp nhận		
79	232		Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép				

			Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.				
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.							
80	248	3	Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	* 3, 4T: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng thiên nhiên trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Nghe các bài hát, bản nhạc thiếu nhi dân ca.	* HĐH: + Nghe hát: - Múa cho mẹ xem - Rước đèn ông sao - Năm ngón tay ngoan - Thật đáng chê *TCAN: Ai nhanh nhất; Tai ai tinh; Nghe tiết tấu tìm đồ vật Ai đoán giỏi	
81	251	4	Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ: thích nghe và kể câu chuyện.	* 4, 5 T:			
82	254	5	Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau: nhạc thiếu nhi, dân ca.	Nghe và nhận ra sắc thái " vui, buồn, tình cảm tha thiết.." của các bài hát, bản nhạc.		

83	256	3	Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.		- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc	
84	258	4	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	* 3, 4, 5 T: - Hát đúng giai điệu lời ca bài hát . * 4, 5 T: - Hát đúng giai điệu lời ca bài hát thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu các bài hát, bản nhạc. (thể hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc.		* HĐH: - Dạy hát: + Rửa mặt như mèo + Chiếc đèn ông sao + VĐ: Cái mũi - Mời bạn ăn
85	259		Có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức: múa).			
86	260	5	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
87	261		Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (múa).			
88	263	3	Biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	* 3, 4, 5 T: - Sử dụng (1 số kỹ năng, các kỹ năng, phối hợp các kỹ năng) Vẽ để tạo ra sản phẩm. * 4, 5 T: - Sử dụng (1 số kỹ năng,	- Sử dụng kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	* HĐH: - Nặn bánh trung thu. * HĐC: - Vẽ , tô màu các bộ phận cơ thể. - Làm anbum về sự lớn lên của bé.
89	268	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.			

CHUẨN BỊ

- Tranh ảnh, đồ dùng đồ chơi về Chủ đề: Bé giới thiệu về mình – Tết trung thu
- Đất nặn, sáp màu, bút chì, kéo, hồ dán, giấy vẽ đủ cho trẻ.
- Lựa chọn một số bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, trò chơi, câu truyện... liên quan đến chủ đề: Bé giới thiệu về mình – Tết trung thu.
- Chuẩn bị hoa cài tay đủ cho trẻ, mũ, dép, nguyên vật liệu tái chế, chai nhựa...
- Chuẩn bị hàng rào, nút nhựa, khói gỗ, cây hoa, cổng, đồ dùng đồ chơi ở các góc phù hợp với chủ đề
- Giấy báo, rơm, hạt gạo, sỏi, cát, đá, len, lá, nắp chai, bìa cát tông, băng con, thẻ chữ cái, chữ số, rô,....
- Phối hợp với phụ huynh chuẩn bị, sưu tầm tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi về chủ đề: Bé giới thiệu về mình – Tết trung thu.

Người lập

Tổ Trưởng

Ban Giám Hiệu

(Ký Duyệt)

Lò Thị Tâm

Lò Thị Vân

Hoàng Thị Phần